TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166/2021/QĐST- HNGĐ	*Đ, ngày 20 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 4 (khu PT), xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn 4 (khu PT), xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng NN Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Đ - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Bích T1 - Giám đốc Phòng giao dịch TC, Ngân hàng NN Việt Nam Chi nhánh huyện Đ Phú Thọ II.

+ Ông Hoàng Bá X, SN 1966 và bà Nguyễn Thị X1, SN 1968.

Địa chỉ: Khu PT, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Nguyễn Mạnh V, SN 1959 và bà Nguyễn Thị V1, SN 1960.

Địa chỉ: Thôn 4, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị H, SN 1975.

Địa chỉ: Thôn 3, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đã được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thanh T và anh Nguyễn Ngọc C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ *Về con chung*: Chị Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 07/02/2004 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/11/2018 đến khi thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung:* Anh C được sở hữu và sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà mái bằng xây trên diện tích đất 1894m2 (240m2 đất ở, 1654m2 đất LNK), thửa đất số 39, tờ bản đồ số 15; 01 thửa đất (ĐM) diện tích 600m2, thửa đất số 40-3, tờ bản đồ số 15; 01 thửa đất (CN) diện tích 1800m2, thửa đất số 8-5, tờ bản đồ số 11. Chị T được sở hữu và sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 thửa đất lúa diện tích 600m2, thửa đất số 105-1, tờ bản đồ số 34; 01 thửa đất (CN) diện tích 2216m2, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 15. Theo giấy CNQSD đất số: P445756 cấp ngày 09/12/1999 của UBND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Giấy CNQSD đất đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc C. Địa chỉ tại xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Anh C không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị T. (Theo biên bản thỏa thuận ngày 26/4/2021 của chị T, anh C).

+ *Về nợ chung:* Anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN Việt Nam Chi nhánh huyện Đ Phú Thọ II - Phòng giao dịch TC số tiền nợ gốc+lãi tính đến ngày 31/5/2021 là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2021 cho đến khi thanh toán xong theo quy định của Ngân hàng NN Việt Nam; Trả nợ cho vợ chồng ông Hoàng Bá X và bà Nguyễn Thị X1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh V và bà Nguyễn Thị V1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Trả nợ cho chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Chị Vũ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN Việt Nam Chi nhánh huyện Đ Phú Thọ II - Phòng giao dịch TC số tiền nợ gốc+lãi tính đến ngày 31/5/2021 là: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2021 cho đến khi thanh toán xong theo quy định của Ngân hàng NN Việt Nam. (Theo biên bản thỏa thuận ngày 26/4/2021 của chị T, anh C).

+ *Về công sức đóng góp*: Không có.

+ *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Vũ Thị Thanh T tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 16.300.000đ (Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002160 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị T 16.150.000đ (Mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Khanh